Biểu số 03

Đơn vị: VP Sở Nông nghiệp và PTNT
Chương 412

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÍ III NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Nông nghiệp và PTNT công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quí III năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quí III/ năm	Ước thực hiện quí III /dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quí III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi , nộp ngân sách phí**				
I	**Số thu phí**	**50**	**28**		
	- Phí dự thi tuyển và dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	50	28	56	
	- Phí thẩm định dự án đầu tư; thẩm định thiết kế; thẩm định dự toán				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**50**	**184,34**		
	Chi quản lý hành chính	**50**	**184,34**		
	- Phí dự thi tuyển và dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (VPP, chi cho công tác xét tuyển viên chức)	50	15,04	30,08	
	- Phí thẩm định dự án đầu tư; thẩm định thiết kế; thẩm định dự toán (Công tác phí)		7,17		
	- 40% CCTL		162,13		
III	**Số thu phí nộp ngân sách nhà nước**				
	- Phí dự thi tuyển và dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức				
	- Phí thẩm định dự án đầu tư; thẩm định thiết kế; thẩm định dự toán				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1+2+3)**	**10.532,8**	**5.982**	**87,46**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính (1.1+1.2)**	**7.947,0**	**5.523,7**	**69,51**	
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**7.494,5**	5.307,8	70,82	
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (a+b)**	**452,49**	**215,88**	**47,71**	
a	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (341-12)**	**440,00**	**203,39**	**46,22**	
	- Kinh phí QLHC đặc thù	374,04	170,43	45,56	
	- Kinh phí khoa học công nghệ (ISO)	15	2	13,33	
	- KP xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (năm 2022 chuyển sang)	20			
	- KP tham gia đoàn công tác BNN về thúc đẩy thương mại nông sản tại Trung Quốc	30,96	30,96	100,00	

Stt	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quí III/ năm	Ước thực hiện quí III /dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quí III năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
b	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (085-12)**	**12,49**	**12,49**	**100**	
	- KP đào tạo cao học (Nguyễn Hoàng Phương)	12,49	12,49	100	
2	**Chi chương trình sự nghiệp**	**2.551,82**	**458,07**	**17,95**	
2.1	KP hoạt động quỹ PC thiên tai tỉnh Kiên Giang	19	3,02	15,87	
2.2	CT ứng dụng công nghệ thông tin	47		0	
2.3	CT thông tin thống kê giá cả thị trường Nông lâm thủy sản	19	6,60	34,74	
2.4	KP mua sắm trang phục thanh tra sở	33,25	33,24	99,98	
2.5	KP thanh tra hoạt động SXKD lĩnh vực NN	284,75	185,90	65,29	
2.6	KP xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	76	25,30	33,289474	
2.7	KP phòng chống khai thác IUU	152	129,87	85,44	
2.8	KP hợp tác với chính quyền tỉnh Yamaguchi - Nhật Bản	38		0	
2.9	KP thi đua ngành NN gắn với hội thao vùng ĐBSCL	57		0	
2.10	KP Đề án phát triển các vùng sx cây ăn quả tập trung đảm bảo ATTP, truy suất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2023 trên địa bàn tỉnh KG	855		0,00	
2.11	KP Tuyên truyền Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về cao điểm thực hiện các khuyến cáo của UB Châu Âu về chống khia thác IUU trên sóng phát thanh, truyền hình và các hạ tầng internet	492,344		0,00	
2.12	KP Tham gia đoàn công tác đi làm việc với các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, BRVT, Nam Định, kế hoạch tiếp đoàn EC	141,080	65,08	46,13	
2.13	Kinh phí thực hiện trích đo địa chính và phí thẩm định hồ sơ xin giao đất của 11 công trình theo thông báo 919/TB-VP ngày 14/10/2022 của VP UBND tỉnh	117,000		0,00	
2.14	KP thanh tra, kiểm tra đột xuất theo Thông báo số 25/TB-UBND ngày 11/4/2023 của UBND tỉnh	220,400	9,06	4,11	
3	**Chi chương trình mục tiêu quốc gia**	**34**	**0,46**	**1,35**	
3.1	KP Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát cộng đồng. (CTMTQG XD NTM)	10	0,46	4,60	
3.2	Chương trình MTQGPTKTXH ĐBDTTS và MN: Dự án 10. Tiểu dự án 3; Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (NSTW: 21 triệu; NSĐP: 3 triệu) (MÃ 281-0521)	24		0,00	

Ghi chú: KP tuyên truyền về nông nghiệp tạm gửi: 195.000.000 đồng

Ngày 03 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Trịnh Thị Hồng Nhiên

Thủ trưởng đơn vị

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Công Danh